

**QUY ĐỊNH VỀ HỦY BỎ HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN THỰC HIỆN
NGHĨA VỤ THEO CÔNG ƯỚC VIÊN 1980: THỰC TIỄN ÁP DỤNG
VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

ĐINH KHƯƠNG DUY*

Ngày nhận bài: 25/11/2025

Ngày phản biện: 23/02/2026

Ngày đăng bài: 25/04/2026

Tóm tắt:

Công ước của Liên hợp quốc về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (Công ước Viên 1980 - CISG) trao quyền cho các bên trong hợp đồng được phép hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ nếu có “căn cứ rõ ràng” cho thấy một bên sẽ vi phạm cơ bản các nghĩa vụ trong hợp đồng. Mặc dù Việt Nam đã tham gia CISG, pháp luật hiện hành của Việt Nam chỉ quy định về quyền hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn đối với các hợp đồng giao hàng từng phần mà chưa có quy định đối với các trường hợp khác. Bài viết này sẽ phân tích các quy định của CISG về hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ và trong mối quan hệ so sánh với pháp luật Việt Nam. Từ đó, bài viết cũng đề xuất một số nội dung nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam hướng tới hài hòa hóa với CISG.

Từ khóa:

CISG, hủy bỏ hợp đồng, nghĩa vụ hợp đồng, vi phạm trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, vi phạm cơ bản.

Abstract:

The United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods (Vienna Convention 1980 - CISG) grants the parties to a contract the right to avoid the contract prematurely if there is “clear evidence” that one party will fundamentally breach its obligations under the contract. Although Vietnam has acceded to the CISG, the current law of Vietnam only provides for the right to avoid contracts prematurely in the case of contracts for the delivery of goods in parts, and does not have provisions for other cases. This article will analyze the CISG provisions on the premature avoidance of contract obligations and compare them with Vietnamese law. The article will also propose several recommendations to improve Vietnam’s legal provisions towards harmonization with the CISG.

Keywords:

CISG, anticipatory breach, contract avoidance, contractual obligations, fundamental breach.

* TS., Khoa Luật, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;
Email: duydk@ueh.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Công ước của Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (Công ước Viên 1980 - CISG) là một trong những điều ước quốc tế quan trọng nhất trong thương mại hiện đại. Tính đến đầu năm 2026, 97 quốc gia, trong đó có Việt Nam, đã phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước¹. CISG đem lại một khung pháp lý thống nhất về xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, giúp các bên giảm bớt khó khăn do sự bất đồng pháp lý khi giao dịch xuyên biên giới.

Điều 72 của CISG cho phép một bên tuyên bố hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ khi có *căn cứ rõ ràng* rằng bên còn lại sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng. Quy định này cho phép hủy bỏ hợp đồng mà không cần phải chờ đến khi vi phạm thực tế xảy ra². Điều này giúp các doanh nghiệp giảm thiểu thiệt hại, tiết kiệm thời gian và chi phí giải quyết tranh chấp³, đồng thời tạo ra tiêu chuẩn chung cho cơ quan tài phán trong việc phân định quyền hủy bỏ hợp đồng.

Pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có quy định tương đương với Điều 72 của CISG, dẫn đến khoảng trống pháp lý trong việc xử lý trường hợp một bên dự liệu chắc chắn sẽ xảy ra vi phạm cơ bản trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu quy định của CISG về hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ và thực tiễn áp dụng sẽ giúp các nhà nghiên cứu, chuyên gia pháp lý và doanh nghiệp hiểu rõ điều kiện áp dụng, hậu quả pháp lý và cơ chế phân bổ rủi ro của chế định này. Nghiên cứu này cũng tạo cơ sở đối chiếu với pháp luật Việt Nam, qua đó đề xuất hướng hoàn thiện nhằm bảo đảm tính hài hòa với CISG.

2. Quyền hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo Công ước Viên 1980

Khái niệm vi phạm tiên đoán hay vi phạm trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ (anticipatory breach) bắt nguồn từ pháp luật Anh. Trong vụ *Hochster v. De La Tour* (1853), một án lệ kinh điển của luật hợp đồng, Tòa án Anh đã công nhận quyền hủy bỏ hợp đồng trước thời điểm thực hiện hợp đồng khi một bên thông báo họ sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình⁴. Án lệ này cho thấy ngay từ thế kỷ XIX, hệ thống pháp luật Anh

¹ Xem toàn văn Công ước và danh sách các quốc gia tham gia Công ước tại: https://uncitral.un.org/en/texts/salegoods/conventions/sale_of_goods/cisg/status, truy cập ngày 02/3/2026.

² David W. Robertson (1959), *The Doctrine of Anticipatory Breach of Contract*, Louisiana Law Review, Tập 20, Số 1, tr.124.

³ Djakhongir Saidov (2006), *Anticipatory Non-Performance and Underlying Values of the UNIDROIT Principles*, Uniform Law Review, Tập 11, Số 4, tr.798.

⁴ Court of Queen's Bench 06/6/1853, *Hochster v. De La Tour* (1853), <https://www.e-lawresources.co.uk/hochster-v-de-la-tour>, truy cập ngày 08/8/2025.

đã cho phép bên bị vi phạm được hủy bỏ hợp đồng mà không phải chờ đến khi vi phạm xảy ra trên thực tế.

Học thuyết này về sau được ghi nhận trong nhiều hệ thống pháp luật, bao gồm CISG, nhằm ứng phó với khả năng xảy ra vi phạm cơ bản trong tương lai⁵. Cụ thể, Điều 72 của CISG quy định rằng nếu trước thời điểm thực hiện hợp đồng, có dấu hiệu rõ ràng rằng một bên sẽ vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng, bên còn lại có quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng. Nếu “thời gian cho phép”, bên có ý định hủy bỏ hợp đồng phải đưa ra “thông báo hợp lý” để bên kia có thể đưa ra sự bảo đảm về khả năng thực hiện. Yêu cầu thông báo này không áp dụng nếu bên kia đã tuyên bố sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình⁶.

Trước hết, cần nhấn mạnh rằng Điều 72 CISG quy định về quyền được tuyên bố hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, dựa trên dấu hiệu của vi phạm mà không chờ đến khi vi phạm đã xảy ra trên thực tế. Đây là yếu tố then chốt phân biệt quyền hủy bỏ hợp đồng ở Điều 72 với các trường hợp hủy bỏ hợp đồng khác trong CISG⁷. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ có thể là thời điểm giao hàng hay thanh toán các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc được xác định theo các quy định của Công ước.

Thông thường, chế tài hủy bỏ hợp đồng chỉ được áp dụng khi vi phạm cơ bản đã xảy ra, nghĩa là sau thời điểm các bên phải thực hiện nghĩa vụ. Việc CISG ghi nhận quyền hủy bỏ hợp đồng dựa trên vi phạm tiên đoán giúp các bên giảm thiểu thiệt hại tốt hơn. Bởi một khi vi phạm đã xảy ra, bên bị vi phạm thường mất tính chủ động trong việc tìm kiếm biện pháp nhằm hạn chế tổn thất⁸. Chẳng hạn, khi bên mua có dấu hiệu rõ ràng sẽ không thanh toán, việc hủy bỏ hợp đồng sớm sẽ cho phép bên bán ngừng chuẩn bị hàng hóa, tránh mất thêm chi phí và nhanh chóng tìm kiếm khách hàng thay thế. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong các giao dịch mua bán quốc tế, do các bên ở cách xa nhau khiến chi phí khắc phục khi hợp đồng bị hủy bỏ gia tăng⁹.

Tiếp theo, cần làm rõ khái niệm căn cứ rõ ràng cho thấy việc một bên sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng. Yêu cầu “căn cứ rõ ràng” nhấn mạnh bên muốn hủy bỏ phải dựa trên

⁵ Christiana Fountoulakis (2022), “Articles 72”, trong I. Schwenzer và U.G. Schroeter (Chủ biên), *Schlechtriem & Schwenzer: Commentary on the UN Convention on the International Sale of Goods (CISG)*, ấn bản lần thứ 5, Oxford University Press, Oxford, tr.1256-1257.

⁶ Xem toàn văn Điều 72 CISG trong bản tiếng Anh và một số bình luận giải thích điều này tại <https://cisg-online.org/cisg-article-by-article/part-3/art.-72-cisg>, truy cập ngày 02/3/2026.

⁷ Xem các Điều 49 và 64 của CISG.

⁸ Katarzyna Kryla-Cudna (2021), *Adequate Assurance of Performance under the UN Convention on Contracts for the International Sale of Goods and the Uniform Commercial Code*, International and Comparative Law Quarterly, Tập 70, Số 4, tr.936.

⁹ Đào Trọng Tú (2023), *Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ trong Công ước Viên năm 1980 và khuyến nghị cho Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 5/2023, tr.18-23.

bằng chứng thuyết phục và không thể chỉ dựa trên suy đoán hay dấu hiệu mơ hồ.¹⁰ Yêu cầu này được đặt ra để cân bằng giữa việc bảo vệ kịp thời quyền lợi của bên bị thiệt hại và ngăn ngừa việc lạm dụng quyền hủy bỏ. Trong thực tiễn, căn cứ rõ ràng có thể xuất phát từ: (i) Tuyên bố hoặc hành động thể hiện ý muốn không thực hiện hợp đồng; (ii) Các sự kiện khách quan khiến việc thực hiện trở nên không khả thi, chẳng hạn như phá hủy nhà máy, lệnh cấm vận hoặc hạn chế tài chính nghiêm trọng. Khi có tranh chấp, cơ quan tài phán sẽ đánh giá tính xác thực và mức độ thuyết phục của căn cứ để quyết định liệu quyền hủy bỏ có được thực hiện hay không¹¹.

Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL) đã làm sáng tỏ thêm khái niệm “căn cứ rõ ràng” bằng cách nhấn mạnh rằng tiêu chí này không đòi hỏi vi phạm chắc chắn sẽ phải xảy ra mà chỉ yêu cầu xác suất rất cao, tức có nhiều bằng chứng và hoàn cảnh liên quan đồng thời tạo nên một dấu hiệu rõ ràng cho thấy vi phạm cơ bản sẽ xảy ra¹². Như vậy, khi có tranh chấp, bên có ý định hủy bỏ hợp đồng không cần bảo đảm một cách chắc chắn rằng vi phạm cơ bản sẽ xảy ra, mà chỉ cần trình bày các bằng chứng chứng tỏ khả năng đó là rất cao. Một số học giả cho rằng các tiêu chí chứng minh “căn cứ rõ ràng” không vượt quá yêu cầu thông thường trong pháp luật dân sự và nên phù hợp với thực tiễn xác định vi phạm cơ bản¹³. Về nguy cơ lạm dụng Điều 72 của CISG, cần lưu ý rằng, nếu một bên đơn phương hủy bỏ hợp đồng dựa trên suy đoán thiếu căn cứ, việc hủy bỏ đó có thể bị xem là một vi phạm hợp đồng¹⁴.

Nghĩa vụ thông báo đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện quyền hủy bỏ hợp đồng theo Điều 72 của CISG. Việc thông báo kịp thời về ý định hủy bỏ hoặc tạm ngừng hợp đồng không chỉ giúp bên kia có cơ hội đưa ra sự bảo đảm thực hiện hoặc khắc phục vi phạm mà còn hạn chế nguy cơ lạm dụng quy định, từ đó duy trì sự công bằng trong hợp đồng mua bán quốc tế¹⁵. Cần lưu ý rằng Điều 71 và Điều 72 của CISG có quy định khác nhau về nghĩa vụ thông báo. Điều 71 cho phép bên bị vi phạm tạm

¹⁰ Christiana Fountoulakis (2022), *sđđ* 5, tr.1262.

¹¹ Commentary on the Draft Convention on Contracts for the International Sale of Goods, prepared by the Secretariat (UN Doc. A/CONF.97/5), in: *United Nations Conference on Contracts for the International Sale of Goods, Vienna, 10 March - 11 April 1980, Official Records: Documents of the Conference and Summary Records of the Plenary Meetings and of the Meetings of the Main Committees*, New York: United Nations (1991), tr.53.

¹² UNCITRAL (2016), *Digest of Case Law on Art. 72 CISG*, tr.324, https://ciscg-online-org.translate.goog/media/0YVIO82Y/2016_UNCITRAL_CISG_Digest_Article_72.pdf, truy cập ngày 25/8/2025.

¹³ Michael Bridge (2005), *Issues Arising Under Articles 64, 72 and 73 of the United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, *Journal of Law & Commerce*, Số 25, tr.414-416.

¹⁴ UN Secretariat (1991), *tlđđ* 11, tr.54.

¹⁵ Katarzyna Kryla-Cudna (2021), *tlđđ* 8, tr.953.

ngừng thực hiện nghĩa vụ khi có dấu hiệu rõ ràng cho thấy bên kia sẽ không thực hiện một phần quan trọng của hợp đồng. Để thực hiện quyền này, bên có ý định tạm ngừng thực hiện hợp đồng buộc phải thông báo để bên kia có thể đưa ra sự bảo đảm hợp lý. Trong khi đó, Điều 72 quy định, bên có ý định hủy bỏ hợp đồng dựa trên vi phạm tiên đoán chỉ cần tiến hành thông báo một cách hợp lý nếu thời gian cho phép.

Như vậy, quyền hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo Điều 72 của CISG được xác lập trên cơ sở có căn cứ rõ ràng về một vi phạm cơ bản sẽ xảy ra. Quy định này giúp phân bổ đều rủi ro cho hai bên, hạn chế tổn thất và chủ động bảo vệ quyền lợi của các bên trong hợp đồng mua bán quốc tế.

3. Thực tiễn áp dụng Công ước Viên 1980 vào giải quyết tranh chấp về hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ

Tính đến đầu tháng 3/2026, cơ sở dữ liệu UNILEX ghi nhận 9 tranh chấp viện dẫn Điều 72 của CISG; chiếm tỷ lệ khá nhỏ trong tổng số tranh chấp được thống kê (1079)¹⁶. Cơ sở dữ liệu CISG-online cũng ghi nhận 28 tranh chấp (trong tổng số 7702) có viện dẫn Điều 72¹⁷. Đáng chú ý, dữ liệu từ UNILEX cho thấy số tranh chấp viện dẫn Điều 72 thấp hơn đáng kể so với Điều 71 (31 vụ) và Điều 73 (18 vụ), dù cả ba điều đều thuộc nhóm quy định về vi phạm tiên đoán. Các số liệu này cho thấy hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ không phải một chế tài phổ biến mà mang tính ngoại lệ, chỉ được áp dụng trong các trường hợp có dấu hiệu vi phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Báo cáo của UNCITRAL về tình hình giải quyết tranh chấp áp dụng CISG cũng củng cố nhận định này. Theo đó, dù không đòi hỏi sự chắc chắn tuyệt đối, Điều 72 của CISG đòi hỏi một “xác suất rất cao” về việc vi phạm cơ bản sẽ xảy ra. Các trường hợp hủy bỏ được tòa án hoặc trọng tài chấp nhận thường liên quan đến việc một bên tuyên bố rõ ràng sẽ không thực hiện nghĩa vụ, không mở thư tín dụng hoặc từ chối thanh toán các lô hàng trước đó. Trái lại, nếu các bên vẫn đang thương lượng hoặc mới chỉ xảy ra vi phạm đơn lẻ, việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng thường bị bác bỏ¹⁸. Do đó, có thể khẳng định trong thực tiễn việc viện dẫn Điều 72 của CISG không thể dựa trên suy đoán chủ quan, mà phải dựa trên việc đánh giá nghiêm ngặt các yếu tố khách quan có thể kiểm chứng.

¹⁶ UNILEX là cơ sở dữ liệu do Viện Quốc tế về Nhất thể hóa luật tư (UNIDROIT) phát triển và duy trì, <https://www.unilex.info/cisg/cases/article/72>, truy cập ngày 20/3/2026.

¹⁷ CISG-online là cơ sở dữ liệu do Giáo sư Ulrich G. Schroeter và các cộng sự tại Đại học Basel (Thụy Sĩ) phát triển và duy trì, <https://cisg-online.org/search-for-cases>, truy cập ngày 02/3/2026.

¹⁸ UNCITRAL (2016), *ltdđ* 12, tr. 324-325.

Ngoài ra, nhiều tranh chấp cho thấy nghĩa vụ thông báo theo khoản 2 Điều 72 giữ vai trò then chốt trong việc xác định tính hợp lệ của tuyên bố hủy bỏ. Thực tiễn xét xử cho thấy nếu bên viện dẫn vi phạm tiên đoán không thực hiện thông báo khi thời gian cho phép, họ có thể mất quyền hủy bỏ hợp đồng. Yêu cầu này không chỉ mang tính thủ tục mà còn nhằm bảo đảm sự cân bằng lợi ích giữa các bên, bởi nó tạo cơ hội cho bên còn lại đưa ra bảo đảm thích đáng và tiếp tục thực hiện hợp đồng¹⁹. Khi kết hợp với tiêu chuẩn chứng minh cao về khả năng xảy ra vi phạm cơ bản, có thể thấy Điều 72 được vận hành như một cơ chế phòng ngừa được kiểm soát chặt chẽ, hạn chế việc lạm dụng.

Từ danh sách tranh chấp liên quan đến Điều 72 được cơ sở dữ liệu CISG-online ghi nhận, có thể thấy điều khoản này được vận dụng rộng rãi không chỉ tại các quốc gia theo truyền thống Common Law. Thực tế, khoảng 20 trong số 28 vụ tranh chấp được xét xử bởi tòa án hoặc trọng tài của một quốc gia Civil Law, đặc biệt là Trung Quốc (2 bản án và 6 phán quyết trọng tài). Sự đa dạng đó cho thấy hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo CISG không còn là một cơ chế có tính đặc thù của các nước Common Law hay chỉ tồn tại trên bình diện học thuyết, mà đã được kiểm nghiệm tại nhiều hệ thống pháp luật khác nhau và trong các bối cảnh tranh chấp đa dạng.

Một ví dụ điển hình minh họa cho thực tiễn áp dụng Điều 72 của CISG là tranh chấp giữa Downs Investments (Úc) và Perjawa Steel (Malaysia)²⁰. Trong vụ tranh chấp này, bên bán đã thông báo rõ ràng rằng nếu bên mua không phát hành thư tín dụng đúng hạn, họ sẽ coi đó là hành vi từ chối thực hiện hợp đồng và có quyền hủy bỏ hợp đồng. Bên mua vẫn không thực hiện nghĩa vụ này dù đã có thông báo, dẫn đến việc bên bán quyết định hủy bỏ hợp đồng.

Tòa án đã xác định rằng việc bên mua không phát hành thư tín dụng đúng hạn được xem là hành vi từ chối thực hiện hợp đồng, đủ để người bán hủy bỏ hợp đồng theo Điều 72 của CISG. Tòa án không yêu cầu phải xảy ra vi phạm thực tế (bên mua không thanh toán) mà chỉ cần xem xét khả năng xảy ra vi phạm cơ bản. Tranh chấp này làm nổi bật sự nghiêm ngặt của điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và cách thức Điều 72 CISG có thể được áp dụng trong trường hợp bên mua có dấu hiệu vi phạm cơ bản nghĩa vụ thanh toán.

Trong tranh chấp *Doolim Corp. v. R Doll, LLC*, Tòa án New York đã vận dụng Điều 72 của CISG để giải quyết việc bên bán hủy bỏ hợp đồng khi có căn cứ rõ ràng

¹⁹ UNCITRAL (2016), *tlđđ* 12, tr.325.

²⁰ Supreme Court of Queensland (Australia), *Civil Jurisdiction No. 10680 of 1996*, truy cập tại <https://www.unilex.info/cisg/case/472>, truy cập ngày 15/8/2025.

bên mua sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng²¹. Cụ thể, bên bán Doolim (Hàn Quốc) đã sản xuất và giao một phần trong tổng số khoảng 500.000 sản phẩm may mặc đặt theo yêu cầu cho bên mua R Doll (Hoa Kỳ) theo chuỗi hợp đồng ký kết từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2007. Theo thỏa thuận, bên mua có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận hàng; tuy vậy, các lô hàng giao vào tháng 7 và 8 năm 2007 không được thanh toán đúng hạn, cấu thành vi phạm nghĩa vụ cơ bản về thanh toán theo Điều 53 CISG. Mặc dù sau đó bên mua đưa ra các cam kết sẽ thanh toán và hai bên thậm chí thỏa thuận lại việc trả tiền theo hình thức giảm giá và chia thành năm đợt, bên mua vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo lịch đã thống nhất. Việc chậm thanh toán kéo dài, kết hợp với việc không cung cấp được bảo đảm đáng tin cậy về khả năng thanh toán trong tương lai, tạo cơ sở khách quan để Doolim nhận định rằng Doll sẽ tiếp tục không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với các lô hàng còn lại.

Trong bối cảnh đó, điều kiện “có căn cứ rõ ràng” theo Điều 72 của CISG được thỏa mãn, bởi có đủ dấu hiệu cho thấy một vi phạm cơ bản chắc chắn xảy ra trong tương lai. Do đó, Doolim có quyền đình chỉ việc giao hàng theo Điều 71 và sau đó tuyên bố hủy bỏ hợp đồng theo Điều 72 của CISG. Quyền này đã được Tòa án công nhận, đồng thời xác nhận quyền giữ hàng và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Điều 74 CISG.

Trong vụ việc này, việc bên mua liên tục không thanh toán và không thực hiện các nghĩa vụ đã thỏa thuận không chỉ là vi phạm đơn lẻ mà là chuỗi hành vi nhất quán cho thấy nguy cơ vi phạm cơ bản trong tương lai. Chính hành vi thực tế của bên mua (từ việc chậm trả kéo dài đến việc không đưa ra sự bảo đảm tài chính đáng tin cậy) đã tạo cơ sở khách quan để bên bán tin rằng nghĩa vụ thanh toán, một nghĩa vụ trọng yếu của hợp đồng mua bán, chắc chắn sẽ không được thực hiện. Nói cách khác, hành vi của bên mua là yếu tố quyết định làm khả năng xảy ra vi phạm cơ bản trở nên rõ ràng. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục giao hàng sẽ đặt bên bán vào rủi ro tài chính nghiêm trọng. Do đó, việc tòa án công nhận quyền hủy bỏ hợp đồng của bên bán là một cơ chế bảo vệ hợp lý trước nguy cơ vi phạm nghiêm trọng từ phía bên mua.

Trong một tranh chấp khác, hội đồng trọng tài ICC đã áp dụng Điều 72 của CISG để cho phép bên mua hủy bỏ hợp đồng khi có dấu hiệu rõ ràng của vi phạm cơ bản trước thời điểm thực hiện hợp đồng²². Cụ thể, trong vụ việc này, bên bán (nhà sản xuất quần áo) đã giao hàng mẫu cho bên mua (nhà bán lẻ) trước một tháng so với ngày giao

²¹ Court of the Southern District of New York (United States), *No. 08 Civ. 1587 (BSJ)(HBP)*, truy cập tại <https://www.unilex.info/cisg/case/1451>, truy cập ngày 15/8/2025.

²² ICC Court of Arbitration - Zurich, *Decision No. 8786*, truy cập tại <https://www.unilex.info/cisg/case/463>, truy cập ngày 15/8/2025.

hàng dự kiến. Tuy nhiên, sau 12 ngày, bên mua đã phản ánh về chất lượng của mẫu hàng, dẫn đến bên bán phải giao lại bộ mẫu khác. Mặc dù vậy, bên mua đã tuyên bố hủy bỏ hợp đồng vì sản phẩm này thuộc bộ sưu tập theo mùa và việc giao hàng đúng hạn là điều kiện quan trọng đối với họ.

Hội đồng trọng tài nhận định hợp đồng không quy định cụ thể thời gian giao hàng mẫu và hàng mẫu không được xem là hàng hóa theo nghĩa đối tượng của hợp đồng. Vì vậy, việc giao hàng mẫu trễ có cấu thành vi phạm nghiêm trọng hay không cần được đánh giá trên cơ sở tác động thực tế của sự chậm trễ đó đối với việc thực hiện hợp đồng chính. Theo Điều 72 của CISG, một vi phạm tiên đoán chỉ được xác lập khi có căn cứ rõ ràng cho thấy một vi phạm cơ bản sẽ xảy ra. Trong trường hợp này, việc hàng mẫu bị lỗi và giao chậm đã làm cho việc sản xuất và giao hàng đúng hạn theo hợp đồng trở nên không khả thi, qua đó bộc lộ nguy cơ vi phạm nghiêm trọng trong tương lai. Trên cơ sở đó, hội đồng trọng tài kết luận rằng đã tồn tại một vi phạm tiên đoán mang tính cơ bản từ phía bên bán. Đồng thời, hội đồng trọng tài cho rằng các Điều 35 và Điều 39 CISG không điều chỉnh tình huống này bởi tranh chấp không xoay quanh khiếm khuyết hàng hóa đã giao mà liên quan đến nguy cơ không thể thực hiện nghĩa vụ trong tương lai. Do vậy, việc bên mua tuyên bố hủy hợp đồng theo Điều 72 của CISG được xem là phù hợp.

Phán quyết này cho thấy điều kiện áp dụng Điều 72 của CISG có thể được xác lập thông qua xem xét tác động thực tế của hành vi trong quá trình thực hiện hợp đồng với khả năng thực hiện hợp đồng chính. Khi những yếu tố này làm cho việc thực hiện nghĩa vụ đúng hạn trở nên không khả thi, nguy cơ vi phạm cơ bản không còn mang tính suy đoán mà đã trở nên rõ ràng theo Điều 72. Phán quyết của hội đồng trọng tài góp phần củng cố cách tiếp cận thận trọng nhưng linh hoạt của CISG trong việc bảo vệ bên có nguy cơ chịu thiệt hại nghiêm trọng.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam theo hướng hài hòa hóa với Công ước Viên 1980

4.1. Thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam và sự cần thiết hài hòa hóa với Công ước Viên 1980

Thứ nhất, pháp luật Việt Nam hiện nay, cụ thể là Luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015, chủ yếu quy định về quyền hủy bỏ hợp đồng theo cách tiếp cận truyền thống, theo đó quyền này chỉ phát sinh khi vi phạm đã xảy ra trên thực tế. Dù không hoàn toàn loại trừ vi phạm tiên đoán, pháp luật Việt Nam chưa thiết lập các quy định có tính hệ thống để điều chỉnh vấn đề này như trong CISG.

Cụ thể, Điều 293 và Điều 312 của Luật Thương mại năm 2005 chỉ cho phép áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng khi đã có vi phạm thực tế. Việc hủy bỏ hợp đồng chỉ được đặt ra khi (i) Xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ, hoặc (ii) Một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng. Có thể thấy, Luật Thương mại năm 2005 không có điều khoản tương đương với Điều 72 của CISG nhằm ghi nhận quyền hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ.

Tuy nhiên, đối với hợp đồng giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ từng phần, khoản 2 Điều 313 của luật này cho phép một bên, từ việc bên còn lại không thực hiện nghĩa vụ ở một lần giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ, kết luận rằng vi phạm cơ bản sẽ xảy ra đối với các lần giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ sau đó. Khi đó, bên bị vi phạm có quyền hủy bỏ hợp đồng đối với các lần giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ kế tiếp, với điều kiện phải thực hiện quyền này trong thời gian hợp lý. Quy định này gần như tương đồng với Điều 73 của CISG về giao hàng từng phần. Nó cho thấy Luật Thương mại năm 2005 vẫn ghi nhận cơ chế hủy bỏ hợp đồng dựa trên vi phạm tiên đoán, song chỉ giới hạn ở một loại hợp đồng nhất định mà không thiết lập một cơ chế chung như trong CISG²³.

Quyền hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ cũng gián tiếp được ghi nhận trong BLDS năm 2015. Theo Điều 425 BLDS năm 2015, *“trường hợp bên có nghĩa vụ không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình làm cho mục đích của bên có quyền không thể đạt được thì bên có quyền có thể hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại”*. Một số tác giả cho rằng điều luật này có phạm vi đủ rộng để điều chỉnh cả trường hợp hủy bỏ hợp đồng do vi phạm tiên đoán.²⁴ Nhận định này xuất phát từ việc Điều 425 không nêu rõ thời điểm xác định một bên không thể thực hiện nghĩa vụ, nó có thể xảy ra *trước* thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Ngoài ra, việc hủy bỏ hợp đồng khi vi phạm cơ bản *đã xảy ra* được quy định rõ tại Điều 423 của BLDS năm 2015. Do đó, nếu không giải thích Điều 425 theo hướng trên thì điều luật này sẽ trở nên dư thừa.

Tuy vậy, cần nhấn mạnh rằng ngay cả khi được giải thích theo hướng này, Điều 425 của BLDS năm 2015 vẫn còn hạn chế do chưa làm rõ căn cứ áp dụng và thủ tục thông báo hủy bỏ. Hơn nữa, khái niệm “không thể thực hiện nghĩa vụ” hàm ý bên có nghĩa vụ đã nỗ lực song không đạt kết quả, nên sẽ không bao gồm trường hợp một bên không muốn thực hiện nghĩa vụ²⁵, thậm chí tuyên bố sẽ không thực hiện nghĩa vụ, vốn là một trường hợp được điều chỉnh bởi Điều 72 của CISG.

²³ Đào Trọng Tú (2023), *tlđđ* 9, tr.22.

²⁴ Nguyễn Vương Thùy Dương, Vũ Thị Hoa (2021), *Vấn đề hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của công ước viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và gợi mở hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số chuyên đề 01/2021, tr.138.

²⁵ Nguyễn Vương Thùy Dương, Vũ Thị Hoa (2021), *tlđđ* 24, tr.138.

Việc pháp luật Việt Nam không ghi nhận một cách tường minh quyền hủy bỏ hợp đồng trước thời điểm thực hiện nghĩa vụ xuất phát từ sự khác biệt về học thuyết pháp lý giữa các hệ thống pháp luật. Bên cạnh đó, có một số quan điểm lo ngại rằng quy định cho phép hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn dựa trên nguy cơ vi phạm có thể bị lạm dụng như một công cụ thoái thác nghĩa vụ khi thị trường biến động hoặc khi một bên không còn lợi ích trong việc tiếp tục hợp đồng²⁶.

Theo quan điểm của tác giả, quyền hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ giúp các bên chủ động bảo vệ quyền lợi của mình, thay vì phải chờ đợi thiệt hại thực tế xảy ra. Việc phải đợi thiệt hại thực tế sẽ xảy ra sẽ gây tổn thất lớn cho các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, trong khi lẽ ra họ đã có thể sớm thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tổn thất. Việc hủy bỏ trước cũng giúp đảm bảo sự công bằng trong phân bổ rủi ro giữa các bên. Do đó, ngay cả khi tồn tại sự khác biệt về học thuyết, quy định này vẫn đáng được tham khảo và tiếp thu nếu nó góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại. Thực tiễn cho thấy nhiều nước theo truyền thống Civil Law cũng đã tiếp nhận và đưa học thuyết vào trong hệ thống pháp luật của mình²⁷. Chưa kể, pháp luật hợp đồng của Việt Nam đề cao nguyên tắc thiện chí, trung thực nên việc bổ sung cơ chế hủy bỏ hợp đồng do vi phạm cơ bản tiên đoán không hoàn toàn xa lạ về mặt học thuyết. Có thể xem đây chỉ là sự mở rộng hợp lý nhằm bảo vệ lợi ích của các bên.

Thứ hai, lập luận cho rằng việc không ghi nhận chế định hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ là cần thiết vì thiếu cơ sở thực tiễn là không thuyết phục. Các tranh chấp đã phân tích cho thấy việc vi phạm dẫn quyền hủy hợp đồng trong trường hợp này luôn phải được đặt trên những căn cứ khách quan và có thể kiểm chứng. Vì vậy, thay vì lo ngại cơ chế này, pháp luật hoàn toàn có thể thiết kế các điều kiện áp dụng chặt chẽ nhằm kiểm soát rủi ro lạm dụng, chẳng hạn yêu cầu phải tồn tại cơ sở rõ ràng và khách quan về khả năng xảy ra vi phạm cơ bản, tương tự cách tiếp cận của CISG.

Thứ ba, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc hài hòa quy định của pháp luật Việt Nam với CISG giúp hạn chế những khác biệt nảy sinh khi luật áp dụng là luật Việt Nam. Điều này không chỉ góp phần củng cố niềm tin của đối tác nước ngoài khi tiến hành giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam, mà còn tạo ra hành lang pháp lý hiện đại, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước xây dựng năng lực pháp lý nhằm hạn chế rủi ro và tăng cường khả năng cạnh tranh.

²⁶ Nguyễn Thị Quỳnh Yên (2023), *Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ (anticipatory breach): Một số trở ngại khi được công nhận và quy định ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số 9/2023, tr.44-45.

²⁷ Dương Anh Sơn (2006), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 4/2006, tr.54.

4.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam

Từ những phân tích trên, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam theo hướng bổ sung quy định về hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo hướng hài hòa với CISG. Các kiến nghị này bao gồm việc bổ sung quy định của pháp luật hiện hành, xác định rõ ràng căn cứ để hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, đồng thời làm rõ trách nhiệm thông báo của bên có ý định hủy bỏ. Ngoài ra, cần có hướng dẫn cụ thể từ phía Tòa án nhân dân (TAND) Tối cao để đảm bảo tính nhất quán trong áp dụng pháp luật.

Thứ nhất, cần bổ sung khái niệm “vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ” và làm rõ nội hàm của chế định này trong Điều 425 của BLDS năm 2015 nhằm tạo cơ sở pháp lý minh bạch cho việc áp dụng trên thực tế. Việc ghi nhận rõ ràng khái niệm này sẽ giúp phân biệt giữa vi phạm đã xảy ra và nguy cơ vi phạm trong tương lai. Đối với Luật Thương mại 2005, tác giả đề xuất bổ sung một điều khoản riêng về hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ theo hướng tiếp cận của Điều 72 của CISG, quy định cụ thể các điều kiện áp dụng, nghĩa vụ thông báo và hậu quả pháp lý của việc hủy bỏ nhằm bảo đảm tính dự liệu và hạn chế lạm dụng quyền.

Thứ hai, pháp luật cần quy định cụ thể các điều kiện áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn theo hướng xác định rõ tiêu chí đánh giá. Theo cách tiếp cận của Điều 72 của CISG, các điều khoản mới hoặc sửa đổi nên quy định rằng quyền hủy bỏ chỉ phát sinh khi có căn cứ khách quan chứng minh khả năng xảy ra vi phạm cơ bản là rõ ràng và có mức độ chắc chắn cao. Đồng thời, các điều khoản đó cần liệt kê hoặc định hướng các tình huống điển hình làm phát sinh quyền này, chẳng hạn khi bên có nghĩa vụ tuyên bố không thực hiện hợp đồng, mất khả năng thanh toán, hoặc có hành vi làm cho việc thực hiện nghĩa vụ trở nên bất khả thi.

Thứ ba, cần xây dựng rõ trình tự và thủ tục áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn nhằm hạn chế thiệt hại không cần thiết cho bên bị cho là sẽ vi phạm. Theo hướng tham khảo Điều 72 của CISG, pháp luật Việt Nam nên quy định bên có ý định tuyên bố hủy bỏ hợp đồng phải thông báo cho bên kia trong một thời hạn hợp lý, tạo cơ hội để bên đó đưa ra sự bảo đảm thích hợp về việc thực hiện nghĩa vụ. Nghĩa vụ thông báo có thể được miễn trừ trong trường hợp bên kia đã tuyên bố rõ ràng hoặc thể hiện dứt khoát ý chí không thực hiện hợp đồng.

Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất bổ sung một điều luật về hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn với nội dung như sau:

“Điều...: Hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ:

1. Một bên có quyền tuyên bố hủy bỏ hợp đồng nếu trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ có căn cứ khách quan và đáng tin cậy cho thấy bên kia sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng.

2. Bên có ý định tuyên bố hủy bỏ hợp đồng phải thông báo cho bên kia trong một thời hạn hợp lý để bên đó có cơ hội đưa ra bảo đảm thích hợp về việc thực hiện nghĩa vụ, trừ trường hợp bên đó đã tuyên bố rõ ràng hoặc thể hiện dứt khoát ý chí không thực hiện hợp đồng.

3. Việc hủy bỏ hợp đồng theo quy định tại điều này làm chấm dứt hợp đồng từ thời điểm bên kia nhận được thông báo, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.”

Cuối cùng, để bảo đảm việc áp dụng thống nhất và hiệu quả quy định này, Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao cần ban hành văn bản hướng dẫn và phát triển án lệ liên quan. Vấn đề khó khăn nhất khi áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn là xác định tiêu chí đánh giá mức độ “rõ ràng” của nguy cơ vi phạm và tính chất “cơ bản” của vi phạm tiên đoán. Do đó, cần xây dựng các tiêu chí cụ thể, có tính định hướng áp dụng, làm căn cứ cho các bên trong hợp đồng cũng như cho cơ quan xét xử. Trong quá trình xây dựng hướng dẫn, TAND Tối cao có thể tham khảo Bình luận của Ban Thư ký UNCITRAL và hệ thống án lệ của các quốc gia thành viên CISG, nhằm bảo đảm sự hài hòa với thông lệ quốc tế.

5. Kết luận

Những quy định của CISG về quyền hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ thể hiện một cách tiếp cận đáng chú ý trong việc xử lý các vi phạm hợp đồng chưa đến hạn thực hiện. Bằng việc cho phép một bên hủy bỏ hợp đồng khi có căn cứ rõ ràng về khả năng xảy ra vi phạm cơ bản, CISG thiết lập một cơ chế mang tính phòng ngừa, góp phần hạn chế tổn thất và tăng cường tính dự liệu trong quan hệ thương mại quốc tế.

Trong khi đó, pháp luật Việt Nam hiện nay mới ghi nhận quyền này trong phạm vi hẹp, chủ yếu đối với hợp đồng giao hàng từng phần. Nghiên cứu này cho thấy nhu cầu xem xét hoàn thiện khung pháp lý trong nước theo hướng tiệm cận chuẩn mực trong CISG. Việc tiếp thu tinh thần Điều 72 của CISG, đồng thời xây dựng những văn bản hướng dẫn rõ ràng sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch, loại trừ nguy cơ lạm dụng và bảo đảm sự cân bằng lợi ích giữa các bên trong hợp đồng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ước của Liên hợp quốc về mua bán hàng hóa quốc tế (Công ước Viên 1980).
2. Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/6/2005 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006 (sửa đổi, bổ sung).
3. Michael G. Bridge (2005), *Issues Arising Under Articles 64, 72 and 73 of the United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, *Journal of Law & Commerce*, số 25.
4. Nguyễn Vương Thùy Dương & Vũ Thị Hoa (2021), *Vấn đề hủy hợp đồng trước thời hạn thực hiện hợp đồng theo quy định của Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và gợi mở hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số chuyên đề 01/2021.
5. Christiana Fountoulakis (2022), “Articles 72”, trong I. Schwenzer và U.G. Schroeter (chủ biên), *Schlechtriem & Schwenzer: Commentary on the UN Convention on the International Sale of Goods (CISG)*, ấn bản lần thứ 5, Oxford University Press, Oxford.
6. Katarzyna Kryla-Cudna (2021), *Adequate Assurance of Performance under the UN Convention on Contracts for the International Sale of Goods and the Uniform Commercial Code*, *International and Comparative Law Quarterly*, tập 70, số 4.
7. David W. Robertson (1959), *The Doctrine of Anticipatory Breach of Contract*, *Louisiana Law Review*, tập 20, số 1.
8. Djakhongir Saidov (2006), *Anticipatory Non-Performance and Underlying Values of the UNIDROIT Principles*, *Uniform Law Review*, tập 11, số 4.
9. Dương Anh Sơn (2006), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 4/2006.
10. Đào Trọng Tú (2023), *Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ trong Công ước Viên năm 1980 và khuyến nghị cho Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 5/2023.
11. Nguyễn Thị Quỳnh Yên (2023), *Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ (anticipatory breach): Một số trở ngại khi được công nhận và quy định ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 9/2023.
12. UNCITRAL (2016), *Digest of Case Law on Art. 72 CISG*, https://cisg-online-org.translate.goog/media/0YVIO82Y/2016_UNCITRAL_CISG_Digest_Article_72.pdf, truy cập ngày 25/8/2025.

13. United Nations Conference on Contracts for the International Sale of Goods (1991), *Commentary on the Draft Convention on Contracts for the International Sale of Goods* (UN Doc. A/CONF.97/5), New York: United Nations.

14. Court of Queen's Bench 6/6/1853 (United Kingdom), *Hochster v. De La Tour* (1853), [https://www.elawresources.co.uk/hochster v de la tour](https://www.elawresources.co.uk/hochster-v-de-la-tour), truy cập ngày 08/8/2025.

15. Court of the Southern District of New York (United States), *No. 08 Civ. 1587 (BSJ)(HBP)*, <https://www.unilex.info/cisg/case/1451>, truy cập ngày 15/8/2025.

16. ICC Court of Arbitration - Zurich (Switzerland), *Decision No. 8786*, <https://www.unilex.info/cisg/case/463>, truy cập ngày 15/8/2025.

17. Supreme Court of Queensland (Australia), *Civil Jurisdiction No. 10680 of 1996*, <https://www.unilex.info/cisg/case/472>, truy cập ngày 15/8/2025.